PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG ANH LỚP 3 (BUỔI 1) – MS.YEN

I. Read and circle (1 điểm)

1.



princess
cook
sister

2 .



mouse
monkey
tiger

3.



bell
clock
climb

4



Swing
Sing
Ring

II. Write the correct words with the picture (1.25 điểm)

dress grapes boy cook flower











1,..... 2, ... 3, ... 4, ... 5.....

III .Circle the odd-one-out. (Khoanh tròn từ mang nghĩa khác loại). (1.25 điểm)

1 A. socks B. shorts C . kitchen D. coat

2 A. sheep B. dress C. T-shirt D. pants

3 A. fish B. shoes C. lion D. goat

4 A. living room B. hat C. bedroom D. bathroom

5 A. house B. apartment C. chair D. dining room

IV. Count and write. (Đếm và viết) (1 điểm)

11. seven + eight =_____

2. eighteen – six =_____

3. Twenty – five=_____

4. Eight + Eight= _____

5. Three+ ten=_____

6. Seventeen + three=_____

7. Eight + Ten=_____

8. Twelve – six=_____

9. Eleven+ seven= _____

10. Fourteen – Nine=_____

V. Complete the sentences and translate in to Vietnamese. (4 điểm)

1/ is / my / ball. /red /This

->_____

2/ Where / the/ are/ lions?

->_____

LIVEWORKSHEETS

3/ How old / you?/are

->_____

4/ he/ Is / a policeman?

->_____

5/ mom/ My / is / a nurse.

->_____

6/ His name / Tom. / is

->_____

7/ are / These / my hands.

->_____

8/ table? / What's /on /the

->_____

9/ The slide /under / is /the tree.

->_____

10/ tiger/ The / is / on/the sofa.

->_____

11/ is /in / the tree. / The bike

->_____

12/ is / The teddy bear/ under /the slide.

->_____

13/ the seesaw. / is / on / The doll

->_____

14/ The ball /on / is / the goal.

-> _____

15/ is / This / Billy's / ice cream.

->_____

16/ My grandpa / a / is / doctor.

->_____

17/ the ball / Is / under / the table?

LIVEWORKSHEETS

->_____

18/ What color / the umbrella / is?

->_____

19/ she / Is / a / pilot?

->_____

20/ you / Do / like / cookies?

->_____

VI. Write. (viết.) (1 điểm)

Is Billy in the bedroom? Yes, he is.

_____Are they in the bath room? No, they _____.

_____Tom and Tim in the dining room.? Yes, they _____.

_____ the baby in the bathroom? Yes, she _____.

_____Mom in the kitchen? No, she _____.

VII. Write the word . (Viết từ .) (1 điểm)

1._ _ _ _ _ _ _ _ _ (c l e r i c) hình tròn

2._ _ _ _ _ _ _ _ _ (o a c t) áo khoác

3._ _ _ _ _ _ _ _ _ _ (g p i) con heo

4._ _ _ _ _ _ _ _ _ _ (t g r e i) con cọp

1._ _ _ _ _ _ _ _ _ (b r z e a) con ngựa vằn

2._ _ _ _ _ _ _ _ _ (r f e f a g i s) con hươu cao cổ

3._ _ _ _ _ _ _ _ _ (o s e u h) căn nhà

4._ _ _ _ _ _ _ _ _ (l o n i) con sư tử

LIVEWORKSHEETS